

Bản án số: **38/2021/HS - ST**
Ngày: 18/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu T.**, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1977 tại TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; Nơi đăng ký HKTT: 304 chung cư B, Phường D, Quận 4; nơi cư trú: 497 Lô Q B, Phường C, Quận 4; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D., sinh năm 1935 và bà Trần Thị U., sinh năm 1936; chung sống như vợ chồng nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn với bà Lê Thị Ngọc D., sinh năm 1977 và có 02 con chung (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 05/9/2020, “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T. liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 20 giờ 20 phút ngày 05/9/2020, Công an Phường C, Quận 4 và bảo vệ dân phố tuần tra địa bàn, khi đến bên hông nhà số 561 Lô S B, Phường C, Quận 4, phát hiện Nguyễn Hữu T. điều khiển xe máy hiệu Attila màu trắng biển số: 54Z9 - 9445, có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng tuần tra phát hiện trong túi quần phía trước bên phải của T. đang mặc có một miếng băng keo màu xanh, bên trong có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu (nghi vấn là ma túy). Do đó, lực lượng tuần tra tiến hành thu giữ tang vật và đưa T. cùng phương tiện về trụ sở Công an Phường C, Quận 4 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Hữu T. khai nhận: Khoảng 18 giờ 00 ngày 05/9/2020, T. và bạn tên Huân cùng làm hồ tại huyện Bình Chánh, T. chuẩn bị về nhà thì Huân rủ T. hùn tiền mỗi người 200.000 đồng mua ma túy đá rồi qua nhà Huân ở Quận 2 để sử dụng. Huân nói T. mua ma túy xong thì đến khoảng 21 giờ cùng ngày sẽ

gặp nhau ở cầu Phú Mỹ, Quận 2, Huân đưa T. về nhà Huân để cùng sử dụng ma túy. T. đồng ý thì Huân đưa 200.000 đồng cho T.. Sau đó, T. chạy xe về hẻm 266 Đường T, Quận 4 tìm mua ma túy. T. dừng xe đối diện số nhà 266/36 Đường T, Phường E, Quận 4 và gặp một đứa bé khoảng 12 tuổi đang đứng chơi trong hẻm, T. nhờ đứa bé mua giúp 400.000 đồng ma túy đá. Đứa bé nhận lời và xin T. 20.000 đồng, T. đưa 420.000 đồng, rồi đứa bé đi vào trong hẻm khoảng 10 phút sau quay ra đưa cho T. một miếng băng keo màu xanh. T. mở miếng băng keo ra xem thì bên trong có 02 gói nylon chứa ma túy đá. T. cất ma túy vào túi quần phía trước bên phải rồi chạy xe về nhà vợ tại số 497 Lô Q B, Phường C, Quận 4. Sau khi tắm xong, T. sử dụng xe máy Attila, biển số: 59Z9-9445 và mang theo ma túy vẫn để ở túi quần phía trước bên phải, định chạy sang nhà Huân để sử dụng nhưng khi vừa chạy đến bên hông nhà số 561 Lô S B, Phường C, Quận 4 thì gặp lực lượng Công an tuần tra kiểm tra phát hiện đưa về trụ sở Công an làm việc như nêu trên.

Đối với cháu bé khoảng 12 tuổi, qua xác minh không xác định được lai lịch của cháu bé. Do đó, không đủ cơ sở xử lý T. về hành vi sử dụng trẻ em vào việc phạm tội. Đối với đối tượng tên Huân mà T. khai hùn tiền mua ma túy với T.. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 không xác định được lai lịch, nên không có cơ sở xử lý.

Tại bản kết luận giám định số 1556/KLGD-H ngày 14/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh xác định: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon (được dán băng keo màu xanh) được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Hữu T. và hình dấu Công an Phường C, Quận 4 đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,3990g (không thấy ba chín chín không) gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 04/CT - VKS ngày 18/12/2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T. phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Hữu T. có lời khai thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T. về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T. từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Về xử lý vật chứng: Tịch thu số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu 01 (một) xe mô tô hiệu Attila màu trắng, biển số 52Z9-9445, số máy : VMM9BED011497, số khung: 011497D; trả lại cho T. 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh, đã qua sử dụng, nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T. liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu T. không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu T. thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của bị cáo, đối chiếu với các T. liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 20 giờ 20 phút ngày 05/9/2020, tại bên hông nhà số 561 Lô S B, Phường C, Quận 4, Nguyễn Hữu T. bị bắt quả tang tàng trữ 0,3990g (không phải ba chín chín không) gam, loại Methamphetamine, nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T. đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với hành vi của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Đây là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn khác, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng cần có mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo mới tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử quyết định phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là 10.000.000 (mười triệu) đồng để thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với đối tượng tên Huân, bị cáo T. khai nhận Huân từng sử dụng ma túy chung với bị cáo vì cả hai làm việc chung, cả hai hẹn mua ma túy về nhà Huân ở Quận 2 sử dụng chung nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt. Tại phiên tòa ngày 28/01/2021, Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định số: 06/2021/HSST – QĐ V/v trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với đối tượng tên Huân để điều tra làm rõ vì có dấu hiệu đồng phạm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 22/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 có Công văn số: 84/CV – VKS hoàn lại hồ sơ vụ án vì chưa đủ, T. liệu, chứng cứ để xử lý đối với đối tượng tên Huân và giữ nguyên quan điểm như cáo trạng số: 04/CT – VKS ngày 18/12/2020 đã truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý đối với đối tượng tên Huân.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 1556, là vật chứng ma túy thu giữ của Nguyễn Hữu T. sau giám định. Xét, ma túy là chất độc hại không sử dụng được và cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh, đã qua sử dụng. Xét, đây là T. sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại Nguyễn Hữu T., nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Attila màu trắng, biển số 52Z9-9445, số máy: VMM9BED011497, số khung: 011497D. Qua xác minh, chủ sở hữu trên giấy chứng nhận là bà Ngô Thị Thủy, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: 188/21 B, Phường C, Quận 4. Bà Thủy cho biết đã bán chiếc xe trên cho Lê Thị Ngọc Dung với giá là 3.000.000 đồng vào tháng 6/2020, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Quá trình điều tra bà Lê Thị Ngọc Dung cho biết T. mượn xe đi làm hồ, T. sử dụng xe đi mua ma túy Dung không biết. Tại đơn tường trình ngày 19/01/2021, bà Lê Thị Ngọc Dung trình bày bà và Nguyễn Hữu T. chung sống như vợ chồng từ năm 2005 (nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn), chiếc xe trên do T. tự mua không liên quan đến bà, nếu hội đồng xét xử tuyên tịch thu xe bà cũng không có ý kiến gì. Xét, đây là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí HSST: Bị cáo Nguyễn Hữu T. phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Hữu T. 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2020.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Hữu T. 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong ghi vụ ghi số vụ 1556 bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

+ Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe gắn máy hiệu Attila màu trắng, biển số 52Z9 - 9445, đã qua sử dụng, số máy: VMM9BED011497, số khung: 011497D.

+ Giao trả lại Nguyễn Hữu T. 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh đã qua sử dụng, nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 41 ngày 19/01/2021 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Hữu T. phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- CA TP.HCM ; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC- 81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thúy

